

# Hướng dẫn sử dụng

Dell P2214H

Dell P2414H

Số hiệu của mẫu: P2214H / P2414H

Mẫu pháp quy: P2214Hb / P2414Hb



# Lưu ý, thận trọng và cảnh báo



**LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính tốt hơn.



**THẬN TRỌNG:** THẬN TRỌNG cho biết khả năng bị hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.



**CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

---

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

© 2013-2016 Dell Inc. Bảo lưu mọi quyền.

Cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong văn bản này: *Dell* và logo *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và các nước khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc.

Các thương hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để chỉ đến các thực thể tuyên bố quyền sở hữu thương hiệu và tên đó hoặc chỉ đến sản phẩm của họ. Dell Inc. từ bỏ mọi quyền lợi chủ sở hữu đối với các thương hiệu và tên thương mại không phải của mình.

# Nội dung

---

<b>1</b>	<b>Thông tin về màn hình của bạn</b>	<b>5</b>
	Nội dung gói hàng	5
	Tính năng sản phẩm	7
	Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển	8
	Thông số kĩ thuật màn hình	11
	Chức năng Cắm và Chạy	19
	Giao diện của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)	19
	Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh	20
	Hướng dẫn bảo trì	21
<b>2</b>	<b>Lắp đặt màn hình</b>	<b>23</b>
	Gắn giá đỡ	23
	Kết nối màn hình	23
	Sắp xếp dây cáp	25
	Gỡ giá đỡ màn hình	26
	Treo tường (tùy chọn)	27
<b>3</b>	<b>Vận hành màn hình</b>	<b>29</b>
	Bật nguồn màn hình	29
	Sử dụng Bộ điều khiển mặt trước	29
	Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)	31
	Thiết đặt độ phân giải tối đa	45
	Sử dụng tính năng nghiêng, xoay, và kéo dài theo chiều dọc	46
	Điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) cho hệ thống của bạn	48
<b>4</b>	<b>Khắc phục sự cố</b>	<b>49</b>
	Tự kiểm tra	49
	Chẩn đoán tích hợp sẵn	50
	Các vấn đề thông thường	51
	Các vấn đề cụ thể của sản phẩm	54
	Các vấn đề cụ thể của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)	55

<b>5 Phụ lục</b> .....	<b>57</b>
Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác. ....	57
Liên hệ Dell. ....	57
Thiết lập màn hình của bạn .....	57

# 1

## Thông tin về màn hình của bạn

### Nội dung gói hàng

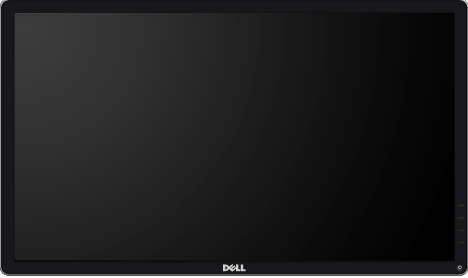


Màn hình của bạn được giao cùng với những thành phần như minh họa bên dưới. Đảm bảo rằng bạn đã nhận đủ các thành phần và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu một thứ gì đó.



**LƯU Ý:** Một số món có thể ở dạng tùy chọn và không được giao tới cùng màn hình. Một số tính năng hay đa phương tiện có thể không có ở những quốc gia nhất định.



**LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt của giá đỡ đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

	<ul style="list-style-type: none"><li>• Màn hình</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Giá đỡ</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nắp che cáp</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp nguồn (khác nhau tùy mỗi nước)</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp VGA</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp DP</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp USB ngược tuyến (upstream)</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trình điều khiển và đĩa phương tiện tài liệu</li> <li>• Hướng dẫn lắp đặt nhanh</li> <li>• Hướng dẫn về sản phẩm và thông tin an toàn</li> </ul>

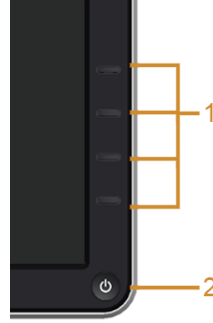
# Tính năng sản phẩm

Màn hình bản phẳng **Dell P2214H/P2414H** có một ma trận chủ động, Bóng bán dẫn màn hình mỏng (TFT), Hiển thị tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- **P2214H:** vùng hiển thị xem được 54,61 cm (21,5 inch) (đo theo chiều chéo). Độ phân giải 1920 x 1080, cộng với hỗ trợ toàn màn hình cho những độ phân giải thấp hơn.
- **P2414H:** vùng hiển thị xem được 60,47 cm (23,8 inch) (đo theo chiều chéo). Độ phân giải 1920 x 1080, cộng với hỗ trợ toàn màn hình cho những độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hay đứng, hoặc trong lúc di chuyển từ bên này sang bên kia.
- Các chức năng điều chỉnh nghiêng, quay, kéo rộng theo chiều dọc và xoay.
- Giá đỡ tháo lắp được và các lỗ nâng đỡ 100 mm của Hiệp hội tiêu chuẩn điện tử video (VESA™) cho các giải pháp nâng đỡ linh hoạt.
- Chức năng cắm và chạy nếu hệ thống của bạn có hỗ trợ.
- Điều chỉnh Hiển thị trên màn hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hoá màn hình.
- Đa phương tiện tài liệu hướng dẫn và phần mềm bao gồm Tập tin thông tin (INF), Tập tin điều chỉnh màu ảnh (ICM) và tài liệu hướng dẫn sản phẩm.
- Phần mềm Dell Display Manager kèm theo (nằm trong đĩa CD được gửi cùng với màn hình).
- Khe khoá an toàn.
- Khoá giá đỡ.
- Chức năng chuyển từ tỉ lệ khung hình rộng sang khung hình tiêu chuẩn mà vẫn giữ được chất lượng hình ảnh.
- Màn hình P2214H/P2414H không có chất BFR/PVC (không có Halogen) ngoại trừ cáp ngoài.
- Hiển thị được TCO chứng nhận.
- Thủy tinh không thạch tín và không thủy ngân chỉ dành cho bản màn hình.
- Tỉ lệ tương phản động cao (2.000.000:1).
- Nguồn điện trạng thái tạm nghỉ 0,3 W khi đang ở chế độ ngủ.
- Thiết bị đo điện năng cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.

# Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển

## Góc nhìn mặt trước



Phần điều khiển mặt trước

Nhãn	Mô tả
1	Các nút chức năng (Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Vận hành màn hình</a> )
2	Nút tắt/mở nguồn (có đèn LED chỉ báo)



## Góc nhìn mặt sau



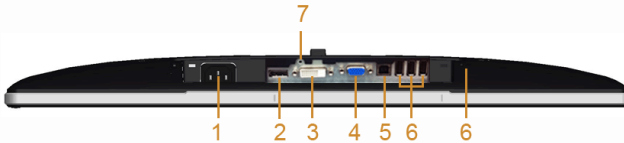
### Góc nhìn mặt sau có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Các lỗ nâng đỡ VESA (100 mm x 100 mm - đằng sau nắp VESA gắn kèm)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích với VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
3	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.
4	Khe khoá an toàn	Bảo vệ màn hình bằng khoá an toàn (khóa an toàn không đi kèm theo).
5	Nhãn chuỗi số mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ Dell để được hỗ trợ kĩ thuật.
6	Khe nâng đỡ Dell Soundbar	Gắn Dell Soundbar tùy chọn. <b>LƯU Ý:</b> Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe lắp trước khi lắp Thanh Âm Thanh của Dell.
7	Cổng USB xuôi tuyến (downstream)	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu kết nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu kết nối ngược tuyến (upstream) trên màn hình.
8	Khe luồn cáp	Sử dụng để gom các dây cáp lại bằng cách đặt chúng qua khe này.

## Góc nhìn mặt bên



## Góc nhìn mặt dưới



### Góc nhìn mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu kết nối dây nguồn AC	Kết nối cáp nguồn.
2	Đầu kết nối DP	Kết nối máy tính với cáp DP.
3	Đầu kết nối DVI	Kết nối máy tính với cáp DVI.
4	Đầu kết nối VGA	Kết nối máy tính với cáp VGA.
5	Cổng USB ngược tuyến (upstream)	Dùng cáp USB đi kèm với màn hình của bạn để kết nối với màn hình và máy tính. Khi đã kết nối cáp này, bạn có thể dùng các đầu kết nối USB trên màn hình.
6	Cổng USB xuôi tuyến (downstream)	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu kết nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu kết nối ngược tuyến (upstream) trên màn hình.
7	Tính năng khoá giá đỡ	Khoá giá đỡ màn hình bằng đinh vít M3 x 6 mm (đinh vít không kèm theo).

# Thông số kỹ thuật màn hình

## Thông số kỹ thuật bản phẳng

Mẫu	P2214H	P2414H
Loại màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD	Ma trận chủ động - TFT LCD
Loại bản	Chuyển hướng tinh thể trong cùng mặt phẳng (IPS)	Chuyển hướng tinh thể trong cùng mặt phẳng (IPS)
Hình ảnh xem được		
Chiều chéo	54,61 cm (21,5 inch)	60,47 cm (23,8 inch)
Chiều ngang, vùng hoạt động	476,06 mm (18,74 inch)	527,04 mm (20,75 inch)
Chiều dọc, vùng hoạt động	267,78 mm (10,54 inch)	296,46 mm (11,67 inch)
Diện tích	127479,35 mm <sup>2</sup> (197,59 inch <sup>2</sup> )	156246,28 mm <sup>2</sup> (242,18 inch <sup>2</sup> )
Cự li điểm ảnh	0,248 x 0,248 mm	0,2745 x 0,2745 mm
Góc nhìn	Điển hình là 178° (chiều dọc) Điển hình là 178° (chiều ngang)	Điển hình là 178° (chiều dọc) Điển hình là 178° (chiều ngang)
Dẫn xuất độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (điển hình)	250 cd/m <sup>2</sup> (điển hình)
Tỉ lệ tương phản	1000 trong 1 (điển hình) 2M trong 1 (điển hình khi bật Độ tương phản động)	1000 trong 1 (điển hình) 2M trong 1 (điển hình khi bật Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Chống chói với độ cứng 3H	Chống chói với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn cạnh LED	Hệ thống đèn cạnh LED
thời gian đáp ứng	8 ms từ xám đến xám (điển hình)	8 ms từ xám đến xám (điển hình)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	CIE1931 (72%)*	CIE1931 (72%)**

\* [P2214H] Gam màu (điển hình) dựa trên tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (85%) và CIE1931 (72%).

\*\*[P2414H] Gam màu (điển hình) dựa trên tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (86%) và CIE1931 (72%).

## Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	P2214H	P2414H
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 76 Hz (tự động)	56 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải thiết lập sẵn cao nhất	1920 x 1080 ở 60 Hz	1920 x 1080 ở 60 Hz

## Các kiểu video được hỗ trợ

Mẫu	P2214H/P2414H
Chức năng hiển thị video (phát lại DVI & DP)	480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p

## Các kiểu hiển thị thiết lập sẵn

P2214H/P2414H

Kiểu hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Xung quét điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (ngang/dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,9	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Thông số kĩ thuật điện năng

Mẫu	P2214H/P2414H
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>• RGB tuần tự, 0,7 volt +/- 5%, cực dương có trở kháng đầu vào 75 ohm</li><li>• DVI-D TMDS kĩ thuật số, 600 mV cho từng dòng khác nhau, cực dương có trở kháng đầu vào 50 ohm</li><li>• Hỗ trợ đầu vào tín hiệu DP 1.2*</li></ul>
Tín hiệu đầu vào đồng bộ hoá	Tách biệt đồng bộ hoá ngang và dọc, mức TTL không cực, SOG (Đồng bộ phức hợp trên tín hiệu xanh lục)
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,2 A (điển hình)
Dòng điện kích từ	<ul style="list-style-type: none"><li>• 120 V: 30 A (tối đa)</li><li>• 240 V: 60 A (tối đa)</li></ul>

\*Hỗ trợ thông số kĩ thuật DP1.2 (CORE). Loại trừ Tốc độ bit cao 2 (HBR2), giao dịch Fast AUX, vận chuyển đa luồng (MST), vận chuyển âm thanh nổi 3D, âm thanh HBR (hay âm thanh tốc độ dữ liệu cao)

## Đặc tính vật lí

Mẫu	P2214H	P2414H
<b>Loại đầu kết nối</b>	D-sub 15 chân cắm, đầu kết nối xanh lam; DVI-D, đầu kết nối trắng; DP, đầu kết nối đen	D-sub 15 chân cắm, đầu kết nối xanh lam; DVI-D, đầu kết nối trắng; DP, đầu kết nối đen
<b>Loại cáp tín hiệu</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kĩ thuật số: tháo được, DVI-D, chân cắm cứng cáp, tháo khỏi màn hình khi chuyển hàng</li><li>• Kĩ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm</li><li>• Tuần tự: gắn được, D-Sub, 15 chân cắm, tháo khỏi màn hình khi chuyển hàng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kĩ thuật số: tháo được, DVI-D, chân cắm cứng cáp, tháo khỏi màn hình khi chuyển hàng</li><li>• Kĩ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm</li><li>• Tuần tự: gắn được, D-Sub, 15 chân cắm, tháo khỏi màn hình khi chuyển hàng</li></ul>
<b>Kích thước (có giá đỡ)</b>		
Chiều cao (mở rộng)	483,6 mm (19,04 inch)	499,0 mm (19,65 inch)
Chiều cao (thu gọn)	354,2 mm (13,94 inch)	369,0 mm (14,53 inch)
Chiều rộng	512,7 mm (20,19 inch)	565,6 mm (22,27 inch)

Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)	180,0 mm (7,09 inch)
<b>Kích thước (không có giá đỡ)</b>		
Chiều cao	304,4 mm (11,98 inch)	335,1 mm (13,19 inch)
Chiều rộng	512,7 mm (20,19 inch)	565,6 mm (22,27 inch)
Chiều sâu	46,3 mm (1,82 inch)	47,0 mm (1,85 inch)
<b>Kích thước giá đỡ</b>		
Chiều cao (mở rộng)	399,7 mm (15,74 inch)	399,7 mm (15,74 inch)
Chiều cao (thu gọn)	354,2 mm (13,94 inch)	354,2 mm (13,94 inch)
Chiều rộng	225,0 mm (8,86 inch)	225,0 mm (8,86 inch)
Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)	180,0 mm (7,09 inch)
<b>Trọng lượng</b>		
Trọng lượng với gói hàng	7,18 kg (15,80 lb)	7,79 kg (17,14 lb)
Trọng lượng với nhóm giá đỡ và cáp	5,58 kg (12,28 lb)	5,83 kg (12,83 lb)
Trọng lượng không có nhóm giá đỡ (Để cân nhắc việc treo tường hoặc dùng giá treo VESA - không cáp)	3,26 kg (7,17 lb)	3,51 kg (7,72 lb)
Trọng lượng của nhóm giá đỡ	1,87 kg (4,11 lb)	1,87 kg (4,11 lb)
Độ bóng khung mặt trước	Khung đen - 5~8% đơn vị bóng (tối đa)	Khung đen - 5~8% đơn vị bóng (tối đa)

## Đặc tính môi trường

Mẫu	P2214H	P2414H
<b>Nhiệt độ</b>		
Lúc hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)	
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong kho: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li> <li>Lúc chuyển hàng: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li> </ul>	
<b>Độ ẩm</b>		
Lúc hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong kho: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>Lúc chuyển hàng: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>	
<b>Độ cao trên mực nước biển</b>		
Lúc hoạt động	5.000 m (16.400 ft) (tối đa)	

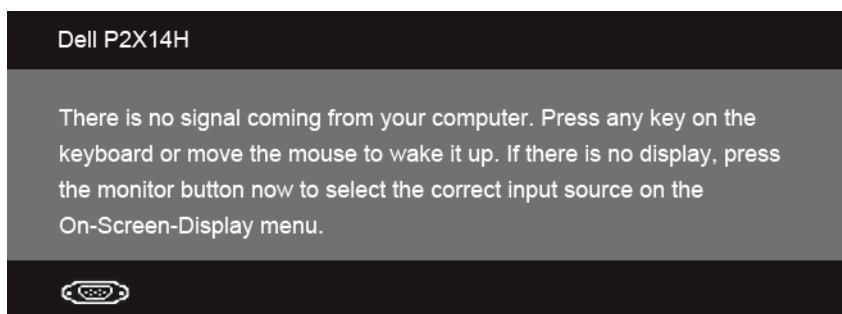
Lúc không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)	
<b>Tần nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 143,3 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>• 88,7 BTU/giờ (điển hình)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 153,5 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>• 95,5 BTU/giờ (điển hình)</li> </ul>

## Chế độ quản lý điện năng

Nếu bạn có thẻ đồ họa hay phần mềm đồ họa tuân thủ DPM™ của VESA, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không được sử dụng. Chức năng này được đề cập như *Chế độ tiết kiệm điện năng\**. Nếu máy tính phát hiện thông tin vào từ bàn phím, chuột hay từ các thiết bị đầu vào khác, thì màn hình tự động chạy trở lại. Bảng sau cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tự động tiết kiệm điện năng này.

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng	
					P2214H	P2414H
Hoạt động bình thường	Đang chạy	Đang chạy	Đang chạy	Trắng	42 W (tối đa)** 26 W (điển hình)	45 W (tối đa)** 28 W (điển hình)
Chế độ Ngưng chạy	Ngưng chạy	Ngưng chạy	Trống	Trắng (đang nhấp nháy)	ít hơn 0,3 W	ít hơn 0,3 W
Tắt màn hình	-	-	-	Tắt	ít hơn 0,3 W	ít hơn 0,3 W

OSD chỉ chạy ở chế độ hoạt động bình thường. Khi bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ chờ, thông báo sau sẽ được hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để có quyền truy cập OSD.

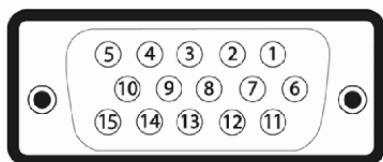
\* Không tiêu thụ điện năng ở chế độ TẮT chỉ có thể có được khi ngắt kết nối cáp chính ra khỏi màn hình.

\*\* Tiêu thụ điện năng tối đa với độ sáng tối đa, và USB đang hoạt động.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi, tùy vào phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách nào khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.

## Chỉ định chân cắm

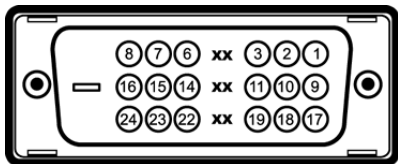
### Đầu kết nối VGA



Số của chân cắm	Bên 15 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	NỐI ĐẤT
5	Tự kiểm thử
6	NỐI ĐẤT - ĐỎ
7	NỐI ĐẤT - LỤC
8	NỐI ĐẤT - LAM
9	Máy tính 5 V/3,3 V
10	Đồng bộ nối đất
11	NỐI ĐẤT
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ ngang
14	Đồng bộ dọc
15	Xung DDC

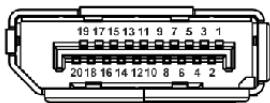


## Đầu kết nối DVI



Số của chân cắm	Mặt 24 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	TMDS RX2-
2	TMDS RX2+
3	TMDS nối đất
4	Di động
5	Di động
6	Xung DDC
7	Dữ liệu DDC
8	Di động
9	TMDS RX1-
10	TMDS RX1+
11	TMDS nối đất
12	Di động
13	Di động
14	Nguồn +5 V/+3,3 V
15	Tự kiểm thử
16	Phát hiện cắm-rút
17	TMDS RX0-
18	TMDS RX0+
19	TMDS nối đất
20	Di động
21	Di động
22	TMDS nối đất
23	XUNG + TMDS
24	XUNG - TMDS

## Đầu kết nối DisplayPort



Số của chân cắm	Mặt 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	ML0(p)
2	NỐI ĐẤT
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	NỐI ĐẤT
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	NỐI ĐẤT
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	NỐI ĐẤT
12	ML3(n)
13	NỐI ĐẤT
14	NỐI ĐẤT
15	AUX(p)
16	NỐI ĐẤT
17	AUX(n)
18	NỐI ĐẤT
19	Bật lại nguồn
20	NGUỒN

# Chức năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình này vào bất kì hệ thống nào tương thích chức năng Cắm và Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ liệu Nhận dạng Hiển thị Mở rộng (EDID) bằng các giao thức Kênh Dữ liệu Hiển thị (DDC) để các hệ thống có thể tự thiết định chính mình và tối ưu hóa các thiết đặt màn hình. Hầu hết việc cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn những thiết đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi thiết đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

## Giao diện của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)

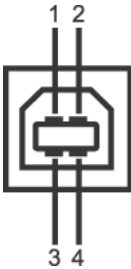
Phần này cho bạn thông tin về các cổng USB sẵn dùng cho màn hình này.



**LƯU Ý:** Màn hình này hỗ trợ giao diện USB 2.0 được chứng nhận tốc độ cao.

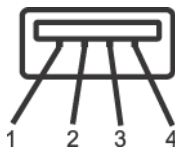
Tốc độ truyền	Mức truyền dữ liệu	Mức tiêu thụ điện năng
Tốc độ cao	480 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ hết mức	12 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ thấp	1,5 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)

## Đầu kết nối USB ngược tuyến (upstream)



Số của chân cắm	Mặt 4 chân của đầu kết nối
1	DMU
2	VCC
3	DPU
4	NỐI ĐẤT

## Đầu kết nối USB xuôi tuyến (downstream)



Số của chân cắm	Mặt 4 chân của đầu kết nối
1	VCC
2	DMD
3	DPD
4	NỐI ĐẤT

## Cổng USB

- 1 ngược tuyến (upstream) - phía sau
- 4 xuôi tuyến (downstream) - phía sau



**LƯU Ý:** Chức năng USB 2.0 yêu cầu một máy tính hỗ trợ USB 2.0.



**LƯU Ý:** Giao diện USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc đang ở chế độ tiết kiệm điện năng. Nếu bạn Tắt màn hình rồi sau đó Bật, những thiết bị ngoại vi gắn vào có thể mất vài giây để hồi phục chức năng bình thường.

## Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh

Trong suốt quy trình sản xuất màn hình LCD, thường thì một hay nhiều điểm ảnh sẽ nằm cố định ở một trạng thái không thay đổi mà rất khó thấy và không gây tác động đến chất lượng hiển thị hay tính sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.

# Hướng dẫn bảo trì

## Lau màn hình



**THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.



**CẢNH BÁO:** Trước khi lau màn hình, hãy rút dây cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

Để biết được cách thực hiện tốt nhất, hãy làm theo các chỉ dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói hàng, lau chùi, hoặc khi cắm màn hình:

- Để lau màn hình tĩnh điện, hơi thấm ướt miếng vải mềm sạch với nước. Nếu được, hãy dùng khăn giấy hoặc dung dịch đặc biệt phù hợp với lớp phủ tĩnh điện để lau màn hình. Không dùng benzene, chất pha loãng, ammonia, chất tẩy rửa có hạt, hay khí nén.
- Hãy dùng miếng vải ẩm, hơi thấm ướt để lau màn hình. Tránh dùng bất kì loại bột giặt nào do một số bột giặt sẽ để lại lớp màng trắng sữa trên màn hình.
- Nếu bạn để ý thấy bột trắng khi mở lấy màn hình ra, thì hãy dùng miếng vải lau sạch nó.
- Cắm màn hình cẩn thận do màn hình màu tối có thể bị trầy và để để lại các vết xước trắng hơn so với màn hình màu sáng.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy dùng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động và tắt màn hình khi không dùng tới.



# 2

## Lắp đặt màn hình

### Gắn giá đỡ



**LƯU Ý:** Giá được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

**LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.



Để gắn giá đỡ màn hình:

1. Tháo vỏ bọc và đặt màn hình lên nó.
2. Khớp hai miếng thẻ ở phần trên của giá đỡ vào rãnh ở mặt sau màn hình.
3. Ấn giá đỡ cho đến khi khớp vào vị trí.

### Kết nối màn hình



**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kì quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

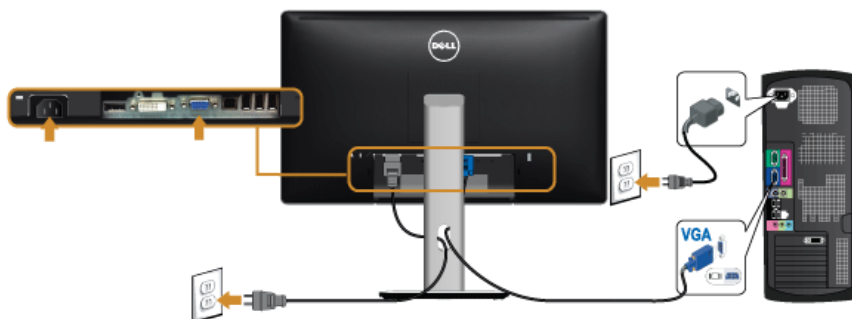


**LƯU Ý:** Không được kết nối tất cả các dây cáp vào máy tính cùng một lúc.

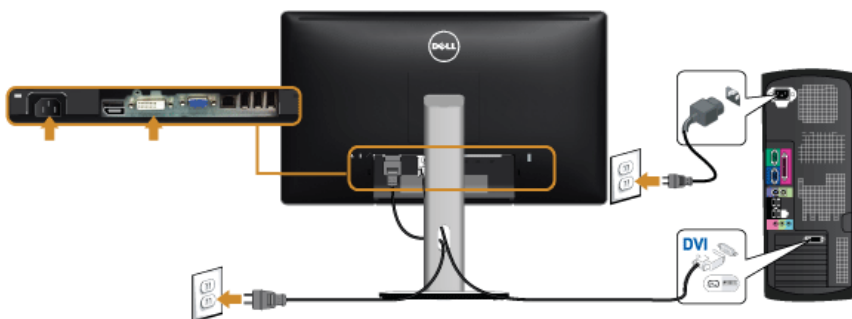
Để kết nối màn hình vào máy tính:

1. Tắt máy tính và ngắt kết nối dây cáp nguồn.  
Kết nối cáp VGA/DVI/DP từ màn hình của bạn đến máy tính.

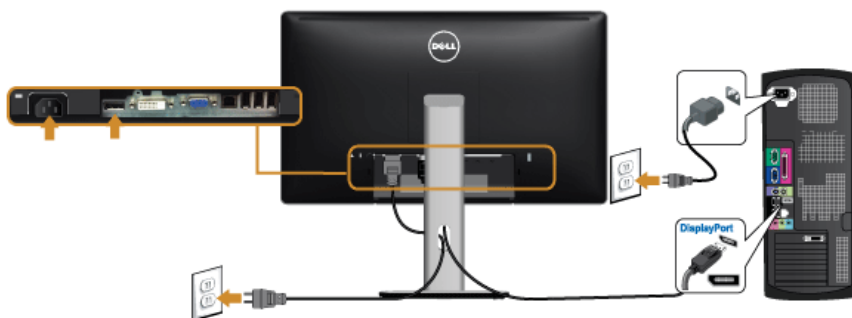
## Kết nối dây cáp VGA xanh lam



## Kết nối cáp DVI trắng



## Kết nối cáp DisplayPort đen



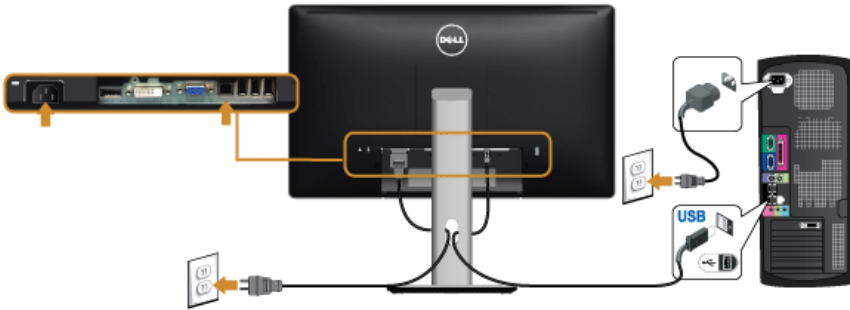
**THẬN TRỌNG:** Đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Hình dáng máy tính có thể thay đổi.



## Kết nối cáp USB

Sau khi bạn đã kết nối xong cáp VGA/DVI/DP, hãy làm theo thủ tục sau để kết nối cáp USB với máy tính và hoàn tất thiết lập màn hình của bạn:

1. Kết nối cổng USB ngược tuyến (upstream) (cáp được cung cấp) với cổng USB thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [Góc nhìn mặt dưới](#) để biết chi tiết.)
2. Kết nối thiết bị ngoại vi USB vào cổng USB xuôi tuyến (downstream) trên màn hình.
3. Cắm cáp nguồn cho máy tính và màn hình của bạn vào ổ cắm điện gần đó.
4. Bật màn hình và máy tính.  
Nếu màn hình của bạn hiển thị được hình ảnh thì quá trình cài đặt đã hoàn tất. Nếu màn hình không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Các vấn đề cụ thể của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng \(USB\)](#).
5. Sử dụng khe cáp trên giá đỡ màn hình để sắp xếp các dây cáp.



## Sắp xếp dây cáp



Sau khi gắn tất cả dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình](#) để biết cách gắn cáp,) hãy sắp xếp tất cả dây cáp như minh họa bên trên.

## Gắn nắp che cáp



Nắp cáp được tháo rời khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



1. Khớp hai miếng thẻ ở phần cuối của nắp cáp vào rãnh ở mặt sau màn hình.
2. Ấn nắp cáp cho đến khi khớp vào vị trí.

## Gỡ giá đỡ màn hình



**LƯU Ý:** Để tránh làm trầy màn hình LCD trong khi tháo giá đỡ, hãy đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm, sạch sẽ.



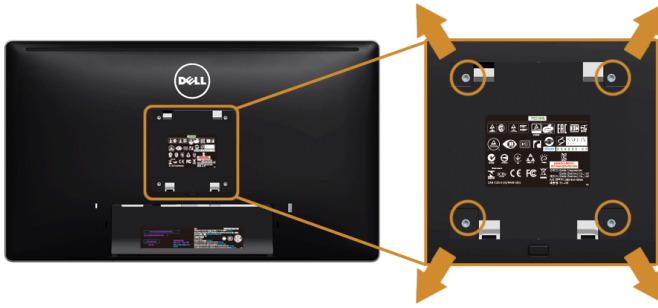
**LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.



Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình trên miếng vải hay miếng đệm mềm.
2. Ấn và giữ nút nhả giá đỡ.
3. Nâng giá đỡ lên cao ra khỏi màn hình.

## Treo tường (tùy chọn)



(Cỡ ốc: M4 x 10 mm).

Tham khảo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích với VESA.

1. Đặt bản nền màn hình lên miếng vải hay miếng đệm mềm trên chiếc bàn cố định, phẳng.
2. Gỡ giá đỡ.
3. Dùng tua-vít đầu chữ thập của Phillips để gỡ bốn đinh ốc giữ chặt nắp nhựa.
4. Lấy giá treo từ bộ treo tường và gắn vào màn hình.
5. Treo màn hình lên tường theo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường.




**LƯU Ý:** Chỉ sử dụng với giá lắp gắn tường có trong danh sách UL với khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu là 5,88 kg.

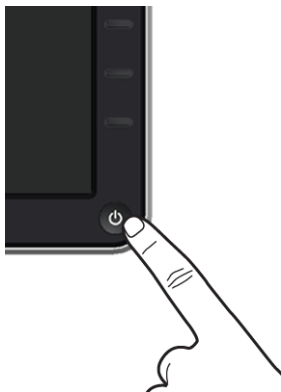


# 3

## Vận hành màn hình

### Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








### Sử dụng Bộ điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các đặc tính của hình ảnh hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số của những đặc tính khi chúng thay đổi.



Bảng sau mô tả các nút mặt trước:



Nút mặt trước	Mô tả
1  <b>Phím tắt/Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)</b>	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.



2	 <b>Phím tắt/ Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)</b>	Sử dụng nút này để truy cập trực tiếp vào menu <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/độ tương phản)</b> .
3	 <b>Menu</b>	Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
4	 <b>Exit (Thoát)</b>	Sử dụng nút này để trở lại menu chính hoặc để thoát khỏi menu chính của OSD.
5	 <b>Nguồn (với đèn chỉ báo nguồn)</b>	Sử dụng nút <b>Nguồn</b> để <b>Bật</b> và <b>Tắt</b> màn hình. Đèn trắng chỉ báo màn hình đang <b>Bật</b> và có đầy đủ chức năng. Đèn trắng nhấp nháy chỉ báo chế độ tiết kiệm điện.

## Nút mặt trước

Sử dụng các nút ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.





	<b>Nút mặt trước</b>	<b>Mô tả</b>
1	 <b>Tăng</b>	Sử dụng nút <b>Tăng</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2	 <b>Giảm</b>	Sử dụng nút <b>Giảm</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.

3	 <b>OK</b>	Sử dụng nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn của bạn.
4	 <b>Quay lại</b>	Sử dụng nút <b>Quay lại</b> để trở lại menu trước đó.

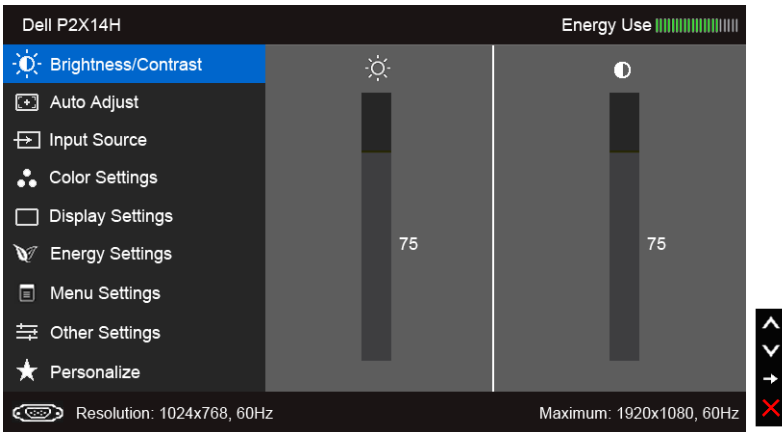
## Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

### Truy cập hệ thống menu

 **LƯU Ý:** Nếu bạn thay đổi thiết đặt này và sau đó đi vào menu khác hoặc thoát khỏi menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu các thay đổi đó. Những thay đổi này cũng được lưu nếu bạn thay đổi các thiết đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

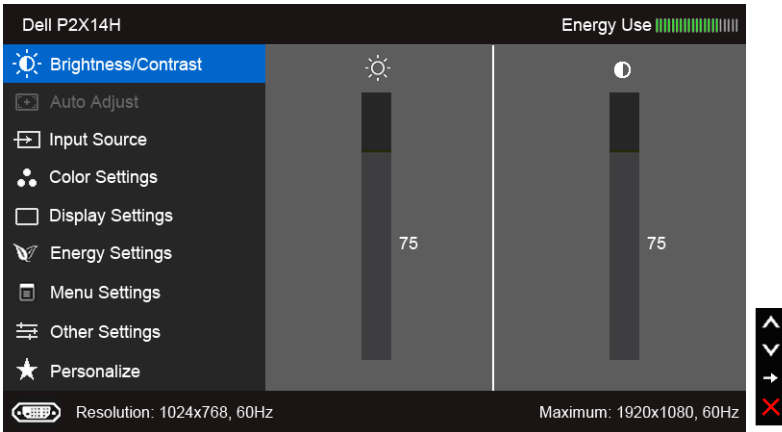
1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

### Menu chính cho đầu vào tuần tự (VGA)



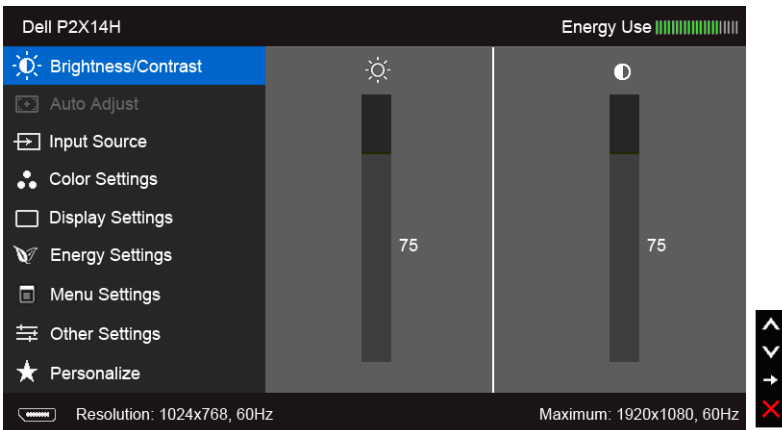
hoặc

## Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (DVI)



hoặc

## Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (DP)


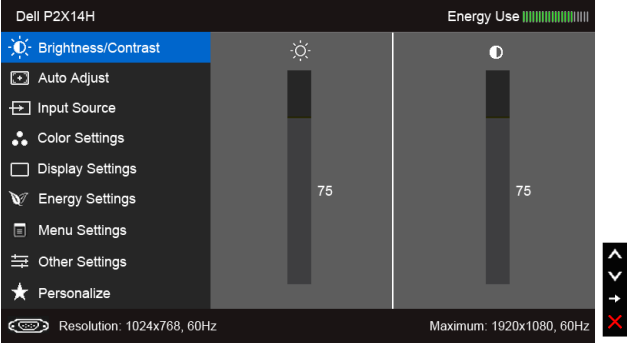


**LƯU Ý: Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** chỉ sẵn dùng khi bạn sử dụng đầu kết nối tuần tự (VGA).

2. Nhấn nút và để di chuyển giữa các tùy chọn thiết lập. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng kia, tên tùy chọn sẽ được tô sáng. Xem bảng sau để thấy danh sách hoàn chỉnh của tất cả các tùy chọn sẵn có đối với màn hình này.
3. Nhấn nút một lần để kích hoạt tùy chọn được tô sáng.
4. Nhấn nút và để chọn thông số mong muốn.



- Nhấn **→** để vào thanh trượt, rồi sử dụng các nút **▲** và **▼** theo chỉ báo trên menu để thực hiện thay đổi.
- Chọn nút **↶** để quay lại menu chính.

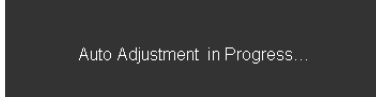
Biểu tượng	Menu và các menu con	Mô tả
	<b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>	Sử dụng menu này để kích hoạt phần điều chỉnh <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> .
		
<b>Brightness (Độ sáng)</b>	<b>Brightness (Độ sáng)</b> điều chỉnh mức sáng của đèn nền.	
Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ sáng và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).		
<b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh thủ công <b>Brightness (Độ sáng)</b> bị vô hiệu khi bật <b>Energy Smart (Năng lượng thông minh)</b> hoặc <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản linh động)</b> .		
<b>Contrast (Độ tương phản)</b>	Điều chỉnh <b>Brightness (Độ sáng)</b> trước tiên, và sau đó điều chỉnh <b>Contrast (Độ tương phản)</b> chỉ khi nào cần điều chỉnh thêm.	
Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ tương phản và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).		
Chức năng <b>Contrast (Độ tương phản)</b> điều chỉnh mức chênh lệch giữa tối và sáng trên màn hình.		



## Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)

Cho dù máy tính bạn nhận ra màn hình lúc khởi động, nhưng chức năng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)** sẽ tối ưu hoá thiết đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.

**Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)** cho phép màn hình tự điều chỉnh để phù hợp với tín hiệu video đi vào. Sau khi sử dụng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)**, bạn có thể điều chỉnh màn hình thêm bằng các điều khiển **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** (Thô) và **Phase (Pha)** (Mịn) trong **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)**.



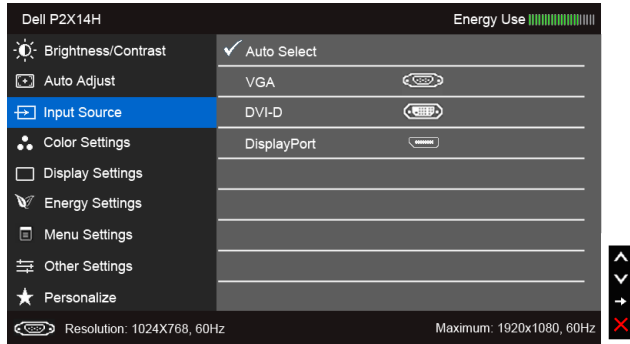
**LƯU Ý:** Trong hầu hết trường hợp, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** sẽ tạo ra hình ảnh tốt nhất cho cấu hình của bạn.

**LƯU Ý:** Tùy chọn **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** chỉ sẵn có khi bạn dùng đầu kết nối tuần tự (VGA).



## Input Source (Nguồn đầu vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn đầu vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối vào màn hình.



## Auto Select (Chọn tự động)

Nhấn **→** để chọn **Auto Select (Chọn tự động)**, màn hình sẽ quét tìm nguồn đầu vào sẵn dùng.



### VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối tuần tự (VGA).

Nhấn **→** để chọn nguồn đầu vào VGA.



### DVI-D

Chọn đầu vào **DVI-D** khi bạn sử dụng đầu kết nối Kỹ thuật số (DVI). Nhấn

**→** để chọn nguồn đầu vào DVI.



## DisplayPort

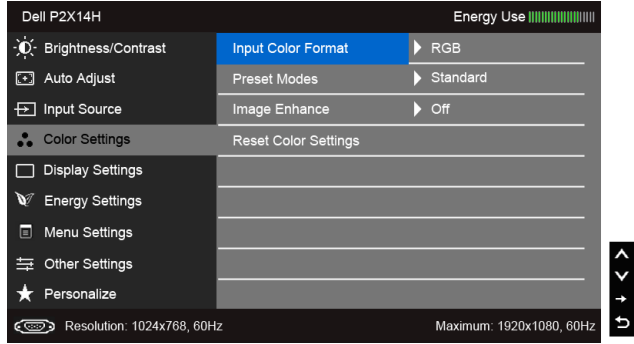
Chọn đầu vào **DisplayPort** khi bạn sử dụng đầu kết nối DisplayPort

(DP). Nhấn **→** để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.



## Color Settings (Thiết đặt màu sắc)

Sử dụng **Color Settings (Thiết đặt màu sắc)** để điều chỉnh chế độ thiết đặt màu sắc.

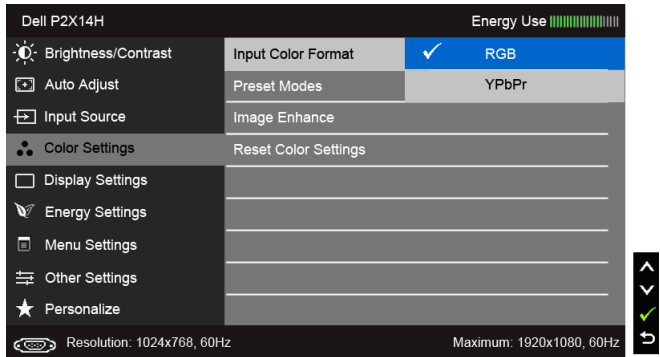


### Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn thiết đặt chế độ đầu vào video thành:



**RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD bằng cáp VGA và DVI.

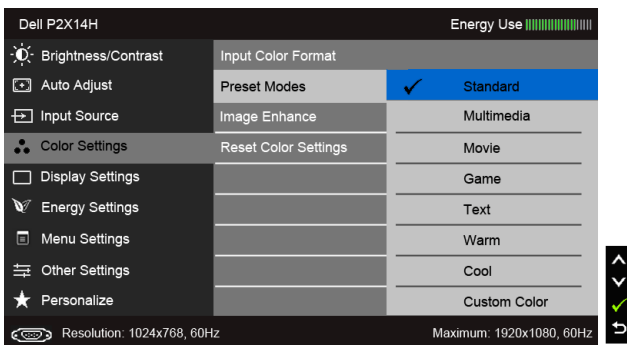
**YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với đầu phát DVD bằng cáp YPbPr sang VGA hoặc bằng cáp YPbPr sang DVI; hoặc nếu thiết đặt màu đầu ra DVD không phải là RGB.






## Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)


Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim)**, **Game (Trò chơi)**, **Text (Văn bản)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Mát)** hoặc **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**: Nạp vào thiết đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ thiết lập sẵn mặc định.
- **Multimedia (Đa phương tiện)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim ảnh)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho phim ảnh.
- **Game (Trò chơi)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho hầu hết các ứng dụng game.
- **Text (Văn bản)**: Tải thiết đặt độ sáng và độ sắc nét lí tưởng để xem văn bản.
- **Warm (Ấm)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên ấm hơn với sắc thái đỏ/vàng.
- **Cool (Mát)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên mát hơn với sắc thái xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**: Cho phép bạn điều chỉnh thủ công các thiết đặt màu. Nhấn nút  và  để điều chỉnh giá trị của ba màu (R, G, B) và tạo chế độ màu thiết lập sẵn của riêng bạn.





**Hue (Sắc độ)** Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang xanh lục hay tím. Tính năng này được dùng để điều chỉnh màu mong muốn theo tông màu da. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh sắc độ từ '0' đến '100'.


Nhấn  để tăng sắc xanh của hình ảnh video.


Nhấn  để tăng sắc tím của hình ảnh video.

**LƯU Ý:** Điều chỉnh **Hue (Sắc độ)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

**Saturation (Độ bão hoà)** Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hoà từ '0' đến '100'.

Nhấn  để tăng diện mạo đơn sắc của hình ảnh video.

Nhấn  để tăng diện mạo đa sắc của hình ảnh video.

**LƯU Ý:** Điều chỉnh **Saturation (Độ bão hoà)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

**Image Enhance (Cải thiện hình ảnh)**

Nâng cao chất lượng hình ảnh cỡ lớn bằng cách loại bỏ vết mờ và thô ráp ở cạnh.

**LƯU Ý: Image Enhance (Cải thiện hình ảnh)** chỉ sẵn dùng khi bạn chọn chế độ thiết lập trước là **Standard (Tiêu chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

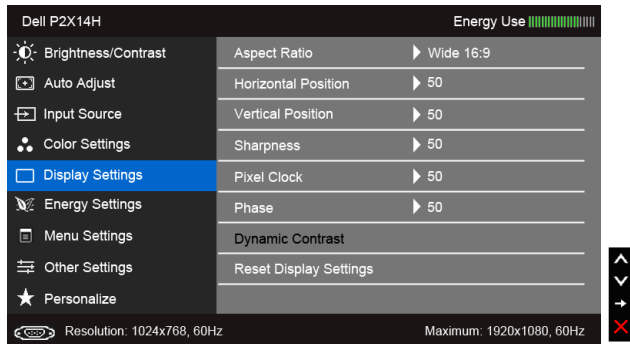
**Reset Color Settings (Cài lại thiết đặt màu)**

Cài lại thiết đặt màu sắc màn hình của bạn về thiết đặt xuất xưởng.

---

**Display Settings (Thiết đặt hiển thị)**

Sử dụng **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)** để điều chỉnh hình ảnh.












---

**Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** Điều chỉnh tỉ lệ hình ảnh thành **Wide (Rộng) 16:9, 4:3, hoặc 5:4**.

---

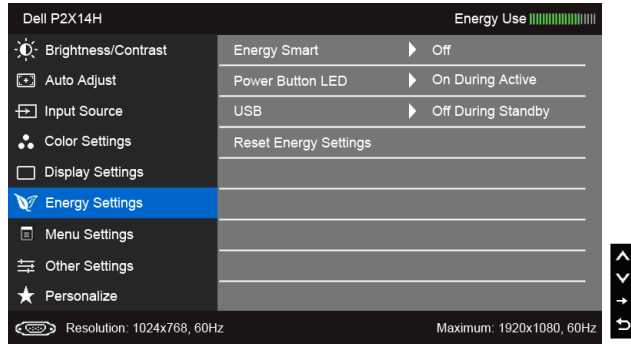
**Horizontal Position (Vị trí phương ngang)**

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh sang trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-).  
Tối đa là '100' (+).

<b>Vertical Position (Vị trí phương dọc)</b>	Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+). <b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh <b>Horizontal Position (Vị trí phương ngang)</b> và <b>Vertical Position (Vị trí phương dọc)</b> chỉ sẵn có cho đầu vào "VGA".
<b>Sharpness (Độ sắc nét)</b>	Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.
<b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b>	Điều chỉnh <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích của mình. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.
<b>Phase (Pha)</b>	Nếu không đạt được kết quả hài lòng bằng điều chỉnh <b>Phase (Pha)</b> , hãy sử dụng điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> (thô) rồi sử dụng lại <b>Phase (Pha)</b> (mịn). <b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b> chỉ sẵn có đối với đầu vào "VGA".
<b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b>	Cho phép bạn tăng mức tương phản nhằm mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét hơn và chi tiết hơn. Nhấn nút  để chọn <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản linh động)</b> "On" (Bật) hoặc "Off" (Tắt). <b>LƯU Ý:</b> <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b> mang lại độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ thiết lập sẵn <b>Game (Trò chơi)</b> hoặc <b>Movie (Phim ảnh)</b> .
<b>Reset Display Settings (Cài lại thiết đặt hiển thị)</b>	Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt hiển thị mặc định.



## Energy Settings (Thiết đặt năng lượng)

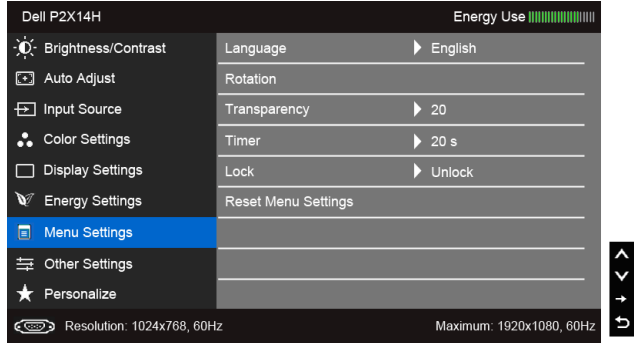


<b>Energy Smart (Năng lượng thông minh)</b>	Để bật hoặc tắt tính năng làm mờ linh động. Tính năng làm tối linh động sẽ tự động giảm mức độ sáng của màn hình khi hình ảnh hiển thị chứa tỉ lệ vùng sáng cao.
<b>Power Button LED (LED nút nguồn)</b>	Cho phép bạn bật hoặc tắt chỉ báo đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.
<b>USB</b>	Cho phép bạn kích hoạt hoặc vô hiệu hoá chức năng USB khi màn hình ở chế độ chờ. <b>LƯU Ý:</b> USB ON/OFF (Bật/tắt USB) trong chế độ tạm nghỉ chỉ sẵn dùng khi cắm cáp USB ngược tuyến. Tùy chọn này sẽ chuyển sang xám khi cắm cáp USB ngược tuyến.
<b>Reset Energy Settings (Cài lại thiết đặt năng lượng)</b>	Chọn tùy chọn này để khôi phục lại <b>Energy Settings (Thiết đặt năng lượng)</b> mặc định.



## Menu Settings (Thiết đặt menu)

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các thiết đặt của OSD, chẳng hạn ngôn ngữ của OSD, lượng thời gian hiện menu trên màn hình, v.v.





### Language (Ngôn ngữ)

Tùy chọn **Language (Ngôn ngữ)** thiết đặt hiển thị OSD ở một trong tám ngôn ngữ (tiếng Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Brazil, Bồ Đào Nha, Nga, tiếng Trung giản thể hoặc Nhật).

### Rotation (Xoay)



Xoay OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể điều chỉnh menu theo **Xoay Hiển Thị** của bạn.

### Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn nút  và  (Tối thiểu: 0 ~ Tối đa: 100).

### Timer (Bộ định giờ)

**OSD Hold Time (Thời gian duy trì OSD):** thiết đặt khoảng thời gian mà OSD vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bấm một nút nào đó.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt theo mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

### Lock (Khóa)

Kiểm soát truy cập của người dùng vào những phần điều chỉnh. Khi chọn **Lock (Khóa)**, người dùng sẽ không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đã bị khóa.

#### LƯU Ý:

Chức năng **Lock (Khóa)** – Có thể khóa mềm (thông qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút phía trên nút nguồn trong 10 giây)

Chức năng **Unlock (Mở khóa)** – Chỉ có thể mở khóa cứng (nhấn và giữ nút phía trên nút nguồn trong 10 giây)

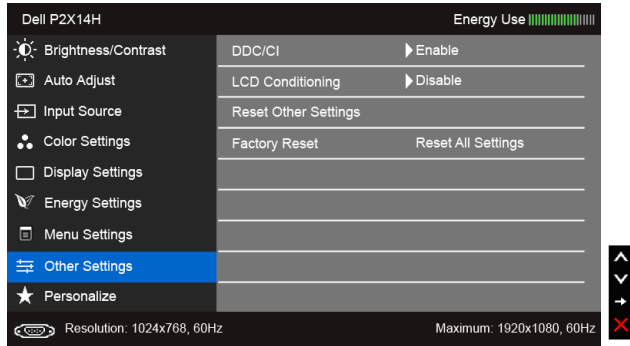
### Reset Menu Settings (Cài lại thiết đặt menu)

Cài lại tất cả các thiết đặt OSD về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.





## Other Settings (Thiết đặt khác)

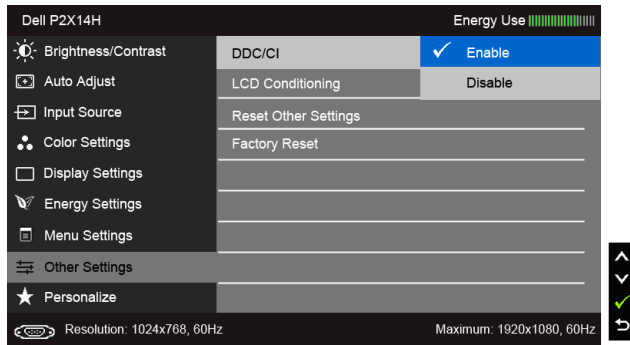


### DDC/CI

**DDC/CI** (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện dòng lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số của màn hình (độ sáng, cân bằng màu, v.v.) thông qua phần mềm trên máy tính.

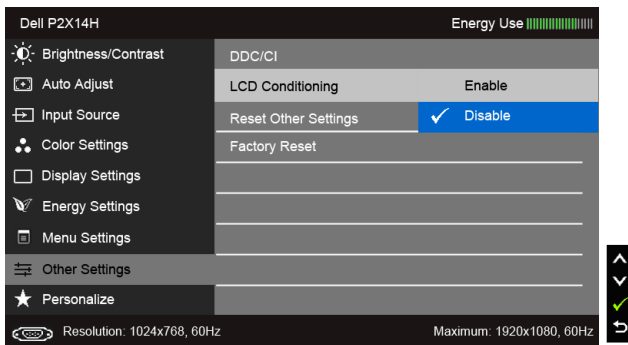
Bạn có thể vô hiệu hoá tính năng này bằng cách chọn **Disable (Vô hiệu hoá)**.

Bật tính năng này để có được trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu năng tối ưu cho màn hình.



## LCD Conditioning (Điều hoà LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp mắc lỗi lưu ảnh không đáng kể. Tùy thuộc vào mức độ lỗi lưu ảnh, việc chạy chương trình này có thể mất chút thời gian. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Bật)**.



## Reset Other Settings (Cài lại các thiết đặt khác)

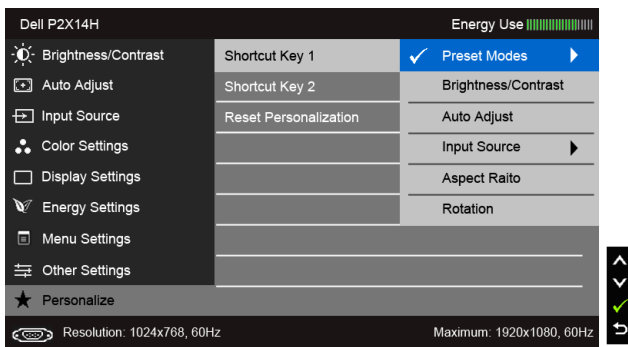
Cài lại tất cả các thiết đặt trong menu **Other Settings (Thiết đặt khác)** về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.

## Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)

Cài lại tất cả các thiết đặt về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.

## Personalize (Cá nhân hoá)

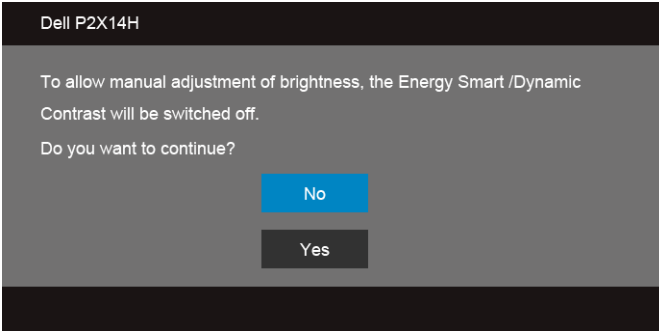
Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** hoặc **Rotation (Xoay)** và thiết đặt làm phím tắt.



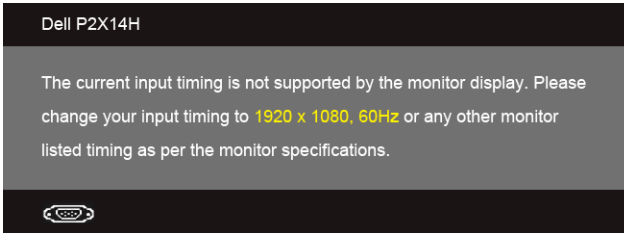
**LƯU Ý:** Màn hình này có một tính năng tích hợp để tự động định cỡ cho độ sáng nhằm bù đắp cho việc lão hoá đèn LED.

## Thông điệp cảnh báo của OSD

Khi kích hoạt tính năng **Energy Smart (Năng lượng thông minh)** hoặc **Dynamic Contrast (Độ tương phản linh động)** trong các chế độ thiết lập sẵn sau: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**, điều chỉnh độ sáng thủ công bị vô hiệu hoá.

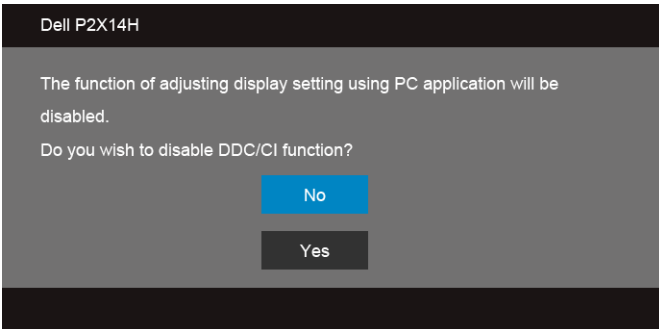


Khi màn hình không hỗ trợ một kiểu độ phân giải đặc biệt nào đó, bạn sẽ thấy thông điệp sau:

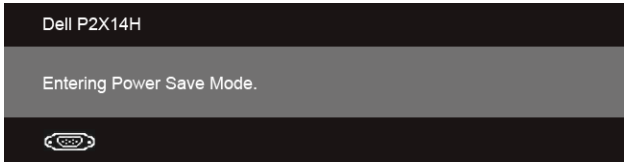


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ hoá với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem [Thông số kĩ thuật màn hình](#) để biết phạm vi tần số Ngang và Dọc được màn hình xử lí. Kiểu đề xuất là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông điệp sau trước khi vô hiệu hoá chức năng DDC/CI:



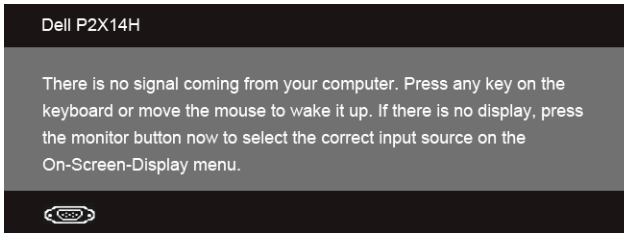
Khi màn hình đi vào chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện năng)**, thông điệp sau sẽ xuất hiện:



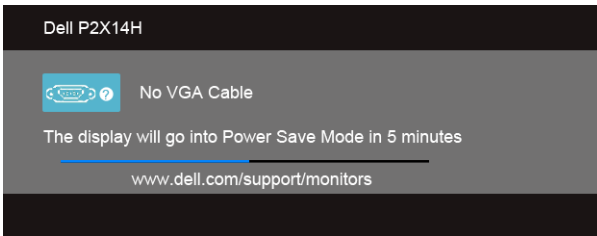
Kích hoạt máy tính và đánh thức màn hình để có thể truy cập **OSD**.

Nếu bạn bấm bất kỳ nút nào thay vì nút nguồn, một trong những thông điệp sau sẽ xuất hiện tùy thuộc đầu vào được chọn:

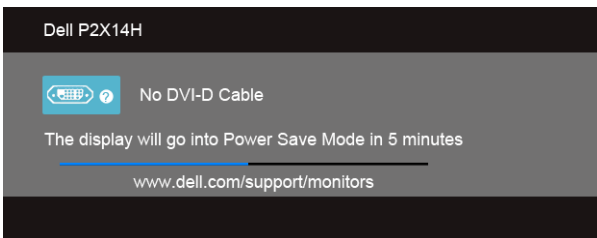
### Đầu vào **VGA/DVI-D/DP**



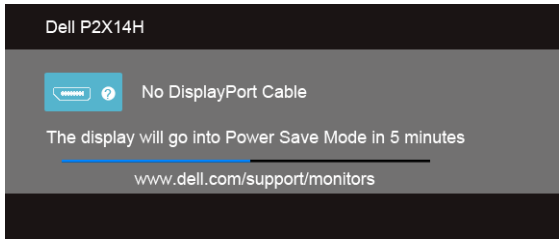
Nếu đầu vào **VGA, DVI-D** hoặc **DP** được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây xuất hiện.



hoặc



hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

## Thiết đặt độ phân giải tối đa

Để thiết đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không thấy tùy chọn 1920 x 1080, có thể bạn cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong những thủ tục sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell:

- Hãy ghé <http://www.dell.com/support>, điền vào thẻ dịch vụ (service tag), và tải về trình điều khiển dành cho thẻ đồ họa của bạn.

Nếu bạn sử dụng máy tính không phải của Dell (di động hoặc để bàn):

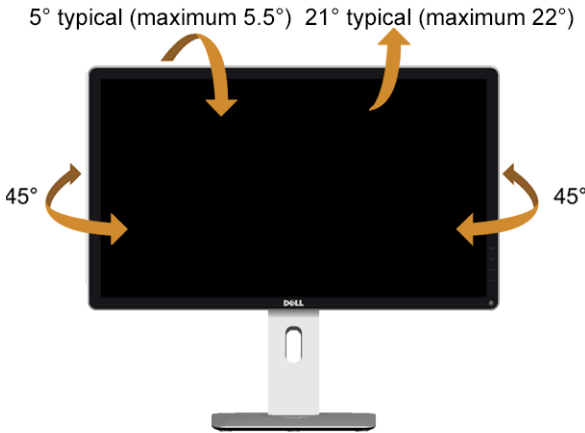
- Hãy ghé trang hỗ trợ dành cho máy tính đó và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Hãy ghé trang web của thẻ đồ họa trong máy và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.

# Sử dụng tính năng nghiêng, xoay, và kéo dài theo chiều dọc

**LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

## Nghiêng, xoay

Khi giá đỡ được gắn vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



**LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

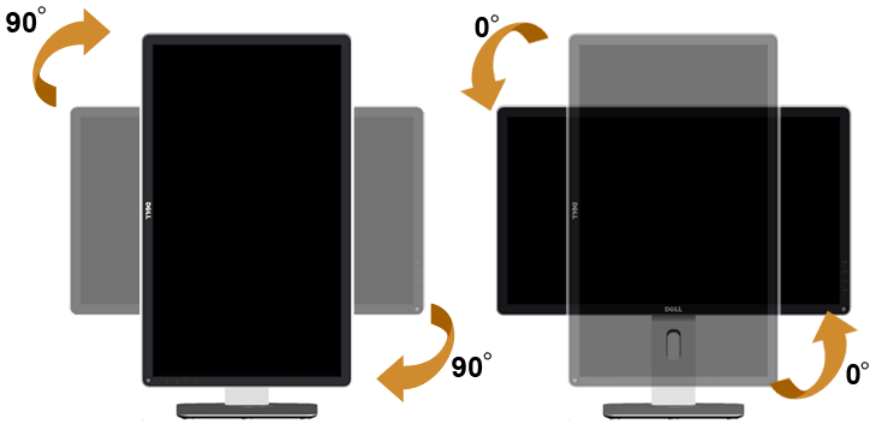
## Kéo dài theo chiều dọc

**LƯU Ý:** Giá đỡ kéo dài theo chiều dọc đến tối đa 130 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo dài giá đỡ theo chiều dọc.



## Xoay màn hình


Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình của bạn phải được kéo dài hết mức theo chiều dọc ([Kéo dài theo chiều dọc](#)) và nghiêng hết mức để tránh va chạm với cạnh dưới màn hình.



- Để sử dụng chức năng Display Rotation (Xoay màn hình) (dạng xem Landscape (Ngang) và Portrait (Dọc)) với máy tính Dell, bạn cần trình điều khiển đồ họa cập nhật không được kèm theo màn hình này. Để tải xuống trình điều khiển đồ họa, truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và xem phần **Download (Tải xuống)** cho **Video Drivers (Trình điều khiển video)** để tải bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.
- Trong *Portrait View Mode (Chế độ xem ngang)*, bạn có thể bị giảm hiệu năng trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Chơi game 3D, v.v.).


# Điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) cho hệ thống của bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, bạn cần hoàn thành thủ tục dưới đây để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) cho hệ thống của bạn.

-  Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải của Dell, bạn cần truy cập trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay):

1. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Properties (Thuộc tính)**.
2. Chọn tab **Settings (Thiết đặt)** và nhấn **Advanced (Nâng cao)**.
3. Nếu bạn có thể đồ họa ATI, chọn tab **Rotation (Xoay)** và thiết đặc cách xoay ưa thích.
4. Nếu bạn có thể đồ họa nVidia, nhấn tab **nVidia** , ở cột bên trái chọn **NVRotate**, rồi chọn cách xoay ưa thích.
5. Nếu bạn có thể đồ họa Intel®, chọn tab đồ họa **Intel**, nhấn **Graphic Properties (Thuộc tính đồ họa)**, chọn tab **Rotation (Xoay)**, rồi thiết đặt cách xoay ưa thích.

-  **LƯU Ý:** Nếu bạn không thấy tùy chọn xoay hoặc tùy chọn xoay không hoạt động đúng, hãy truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support) và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.



# 4

## Khắc phục sự cố



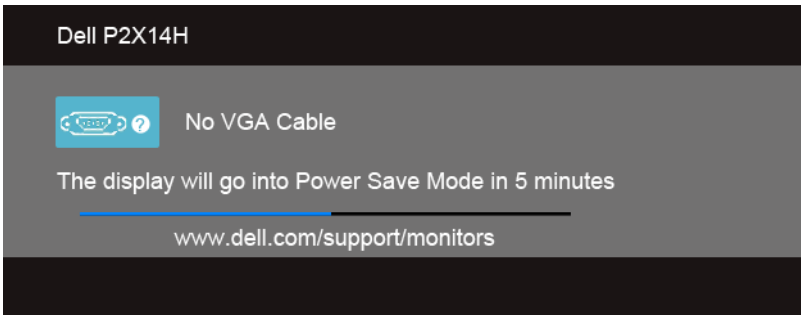
**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

### Tự kiểm tra

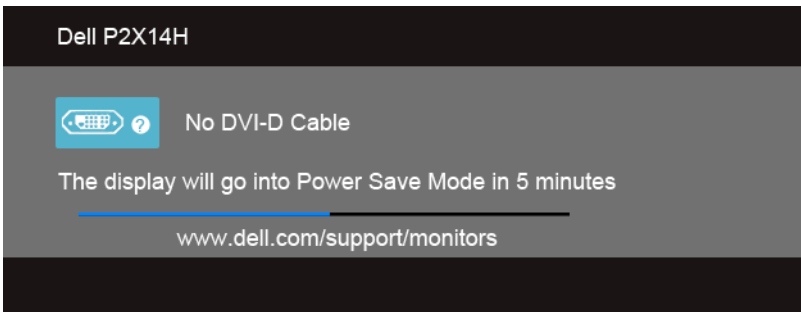
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động đúng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tính năng tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, hãy tháo tất cả các cáp Kỹ thuật số (đầu kết nối trắng) và Tuần tự (đầu kết nối xanh lam) khỏi phần sau máy tính.
3. Bật màn hình.

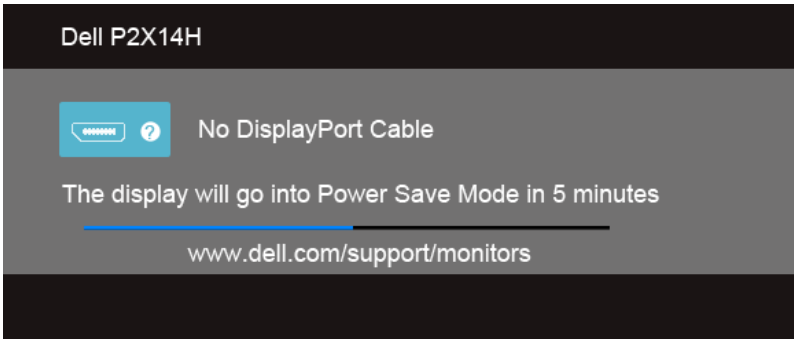
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không thể bắt được tín hiệu video và đang hoạt động đúng. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn luôn sáng trắng. Ngoài ra, tùy vào đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại như minh họa dưới đây sẽ liên tục di chuyển qua màn hình.



hoặc



hoặc



4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video, rồi bật cả máy tính lẫn màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn bị trống sau khi bạn sử dụng thủ tục trước, hãy kiểm tra trình điều khiển video và máy tính của bạn, vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng.

## Chẩn đoán tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn giúp bạn xác định xem vấn đề bất thường của màn hình mà bạn đang gặp có phải là vấn đề vốn có của màn hình hay của máy tính và bảng mạch video.



**LƯU Ý:** Chỉ khi nào cáp video được rút ra và màn hình đang ở *chế độ tự kiểm tra*, bạn mới chạy được chẩn đoán tích hợp sẵn.



Để chạy chẩn đoán tích hợp sẵn:

1. Đảm bảo màn hình sạch (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính hay màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.

3. Nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** trên bảng điều khiển phía trước trong 2 giây. Một màn hình xám xuất hiện.
4. Cần thận kiểm tra màn hình xem có điều gì bất thường không.
5. Nhấn **Nút 4** trên bảng điều khiển phía trước một lần nữa. Màu màn hình chuyển thành đỏ.
6. Kiểm tra hiển thị xem có vấn đề bất thường không.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong màn hình màu xanh lục, xanh lam, đen, trắng và văn bản.

Kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn **Nút 4** một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kì điều bất thường nào trên màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn, tức là màn hình đang hoạt động đúng. Kiểm tra thẻ đồ họa và máy tính.

## Các vấn đề thông thường

Bảng sau cho biết thông tin chung về các vấn đề thông thường với màn hình mà bạn có thể gặp phải cũng như cho biết các giải pháp khả thi:

Dấu hiệu thường gặp	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng và an toàn.</li> <li>• Xác nhận ổ cắm điện đang hoạt động đúng bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li> <li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết mức.</li> <li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu <a href="#">Input Source (Nguồn đầu vào)</a>.</li> </ul>
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> <li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu <a href="#">Input Source (Nguồn đầu vào)</a>.</li> </ul>
Hình ảnh mờ	Hình ảnh bị mờ, nhoè hoặc có bóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Điều chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Loại bỏ cáp mở rộng video.</li> <li>• Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li>• Thay đổi độ phân giải video theo tỉ lệ khung hình chính xác.</li> </ul>

Video bị rung/lắc	Hình ảnh bị gợn sóng hoặc hơi giật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li>Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li> <li>Dời màn hình và kiểm tra ở phòng khác.</li> </ul>
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có đốm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguồn bật-tắt liên tục.</li> <li>Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Điểm ảnh tê liệt	Màn hình LCD có đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguồn bật-tắt liên tục.</li> <li>Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Các vấn đề về độ sáng	Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li><b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh các điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.</li> </ul>
Biến dạng hình học	Màn hình không được căn giữa đúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li><b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh các điều khiển phương ngang và dọc thông qua OSD.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào DVI-D/DisplayPort, các điều chỉnh vị trí sẽ không sẵn dùng.</p>
Sọc ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều sọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem có phải những sọc này cũng có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào DVI-D/DisplayPort, các điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b> sẽ không sẵn dùng.</p>

Các vấn đề đồng bộ hoá	Màn hình hiển thị lộn xộn hoặc có vẻ bị đứt gãy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình hỗn độn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> <li>Khởi động lại máy tính trong <i>safe mode (chế độ an toàn)</i>.</li> </ul>
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Dấu hiệu khói hoặc tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kì bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>Liên hệ Dell ngay lập tức.</li> </ul>
Các vấn đề chậm chờn	Lỗi màn hình bật rồi tắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn.</li> <li>Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li> <li>Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem vấn đề chậm chờn có xảy ra trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu màu	Hình ảnh thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn.</li> <li>Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> </ul>
Sai màu	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi <b>Color Setting Mode (Chế độ thiết đặt màu sắc)</b> (trong OSD <b>Color Settings (Thiết đặt màu sắc)</b>) thành <b>Graphics (Đồ họa)</b> hoặc <b>Video</b> tùy theo ứng dụng.</li> <li>Thử các <b>Color Preset Settings (Thiết đặt màu sắc thiết lập sẵn)</b> khác nhau trong OSD <b>Color Settings (Thiết đặt màu sắc)</b>. Điều chỉnh giá trị R/G/B trong OSD <b>Color Settings (Thiết đặt màu sắc)</b> nếu <b>Color Management (Quản lý màu sắc)</b> tắt.</li> <li>Thay đổi <b>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</b> thành PC RGB hoặc YPbPr trong OSD <b>Advance Setting (Thiết đặt nâng cao)</b>.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> </ul>
Lỗi lưu ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong thời gian dài	Trên màn hình xuất hiện bóng mờ từ hình ảnh hiển thị dạng tĩnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ khi nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Chế độ quản lý điện năng</a>).</li> <li>Nếu không, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động.</li> </ul>

# Các vấn đề cụ thể của sản phẩm

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa trên màn hình, nhưng không lấp hết toàn bộ khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra thiết đặt <b>Scaling Ratio (Tỉ lệ co giãn)</b> trong OSD <b>Image Setting (Thiết đặt hình ảnh)</b>.</li><li>• Cài lại màn hình về <b>Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng)</b>.</li></ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển bên	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt màn hình, rút cáp nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.</li><li>• Kiểm tra xem menu OSD có bị khoá không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên cạnh nút Nguồn trong 10 giây để mở khoá (để biết thêm thông tin, xem "<b>Lock (Khóa)</b>").</li></ul>
Không có Tín hiệu đầu vào khi nhấn vào các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng xanh lam.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kì trên bàn phím.</li><li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li><li>• Cài lại máy tính hoặc đầu phát video.</li></ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình.	Hình ảnh không thể lấp hết chiều cao hoặc chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Do định dạng video (tỉ lệ khung hình) khác nhau của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li></ul>



**LƯU Ý:** Khi chọn chế độ DVI-D, chức năng **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** sẽ không sẵn dùng.

# Các vấn đề cụ thể của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Giao diện USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem đã bật màn hình chưa.</li><li>• Kết nối lại cáp ngược tuyến với máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối xuôi tuyến).</li><li>• Tắt rồi bật lại màn hình.</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li><li>• Một số thiết bị USB như ổ cứng di động bên ngoài yêu cầu dòng điện cao hơn; hãy kết nối thiết bị trực tiếp với hệ thống máy tính.</li></ul>
Giao diện USB tốc độ cao 2.0 chậm	Thiết bị ngoại vi USB tốc độ cao 2.0 hoạt động chậm hoặc hoàn toàn không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có thể sử dụng USB 2.0 không.</li><li>• Một số máy tính có cả cổng USB 2.0 USB lẫn USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li><li>• Kết nối lại cáp ngược tuyến với máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối xuôi tuyến).</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li></ul>





**CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn**

**CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc quy trình không được nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, gặp rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

## Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp quy khác, hãy truy cập trang web tuân thủ pháp quy tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Hoa Kỳ, hãy gọi **800-WWW-DELL (800-999-3355)**.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hoá đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell có cung cấp một số hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Mức sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

Để xem nội dung hỗ trợ trực tuyến cho Màn hình:

1. Truy cập [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors).

Để liên hệ Dell về việc bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support).
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống **Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực)** ở cuối trang.
3. Nhấn vào **Contact Us (Liên hệ với chúng tôi)** ở bên trái trang.
4. Chọn dịch vụ hoặc đường liên kết hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ Dell thuận tiện với bạn.

## Thiết lập màn hình của bạn

### Thiết đặt độ phân giải hiển thị

Để đạt hiệu năng hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft® Windows®, hãy thiết đặt độ phân giải hiển thị thành **1920 x 1080** điểm ảnh bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn độ phân giải khuyến dùng, bạn có thể cần cập nhật trình điều khiển đồ họa của mình. Vui lòng chọn kịch bản bên dưới mô tả đúng nhất hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và làm theo các bước được nêu.

1: Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell™ mà có thể truy cập Internet

2: Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc thẻ đồ họa không phải của Dell™

## Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell™ mà có thể truy cập Internet

1. Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.
2. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài đặt độ phân giải thành 1920 x 1080, vui lòng liên hệ Dell™ để hỏi về thẻ đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

## Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc thẻ đồ họa không phải của Dell™

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Personalization (Cá nhân hoá)**.
3. Nhấn vào **Change Display Settings (Thay đổi thiết đặt hiển thị)**.
4. Nhấn vào **Advanced Settings (Thiết đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển cập nhật (ví dụ <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).

7. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển cập nhật (ví dụ <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể thiết đặt độ phân giải khuyến dùng, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc xem xét việc mua thẻ đồ họa hỗ trợ độ phân giải video đó.